TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-2-2020
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Phạm Thị Kim Thảo

2/- Bà Mai Hồng Thắm

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 2 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2019/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cù Thị Đ, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp B, xã B , huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Phạm Minh H, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 18/11/2019 nguyên đơn chị Cù Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh H kết hôn với nhau vào năm 2011 hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau đám cưới thì vợ chồng sống ở Thành phố H làm ăn, đến năm 2014 thì vợ chồng về sống bên chồng ở xã B đến đầu năm 2016 vợ chồng tiếp tục lên Thành phố H làm ăn, đến khoản tháng 8/2018 anh H bỏ mẹ con chị đi và có người phụ nữ khác, nên chị cũng về cha mẹ ruột ở huyện B sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Minh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung Phạm Thái K sinh ngày 11/11/2011 hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh Hcấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Minh H: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cù Thị Đ, cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh H; chị Cù Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cù Thị Đ là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Minh H là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Cù Thị Đ và anh Phạm Minh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Cù Thị Đ và anh Phạm Minh H kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đến ngày 9/5/2013 hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đ và anh H chung sống đến khoảng tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhâu mâu thuẫn theo chị Đ trình bày là do anh H có người phụ nữ khác bỏ mặc vợ con nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Về phía anh H qua 2 lần Tòa án mời đến để hòa giải, nhưng phía anh H đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Xét thấy, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm, nay chị Đ cương quyết xin được ly hôn, xét thấy khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H có 01 con chung cháu Phạm Thái K, sinh ngày 11/11/2011 hiện đang sống với chị Đ, sau khi ly hôn chị Đ xin được tiếp tục nuôi cháu K, tại văn bản ngày 15/01/2020 cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ; Do đó nghĩ nên giao cháu K cho chị Đ được tiếp tục nuôi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phía chị Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Cù Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56,81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147,227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Cù Thị Đ.

Chị Cù Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Minh H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/2013 ngày 09/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Cù Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thái K, sinh ngày 11/11/2011. Anh Phạm Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh H, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Cù Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006602 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Chị Cù Thị Đ và Anh Phạm Minh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Kim Hoa